

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hương
2. Ông Phạm Hùng Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 266/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Quang T – sinh năm 1977; có mặt.

Địa chỉ: Thôn Khánh Thành N, xã Suối C, huyện Cam L, Khánh Hòa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1971; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Xuân Đ, xã Diên X, huyện D, Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Vũ Quang T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống với và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối C, huyện Cam L, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2002. Trong thời gian chung sống giữa ông và bà H thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do bà H ham mê cờ bạc, nhiều lần gây nộ. Ông T và bà H đã không còn chung sống với nhau từ năm 2008 cho đến nay. Ông T xác định không còn tình cảm với bà H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông Vũ Quang T xác định giữa ông và bà H không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Vũ Quang T xác định không có tài sản chung và nợ chung.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa để làm việc.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Quang T. Cho ông Vũ Quang T được ly hôn với bà Nguyễn Thị H; về con chung: Ông T và bà H không có con chung; về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có tài sản chung và nợ chung; về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Quang T và bà Nguyễn Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/3/2002 và được Ủy ban nhân dân xã Suối C, huyện Cam L, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09/2002, đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn ông Vũ Quang T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị H vì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông không còn tình cảm với bà H. Từ năm 2008 đến nay, ông Tuệ không còn sống chung với bà H, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, điều đó cho thấy bà H đã không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở để xác định tình cảm giữa bà H và ông T thực sự không còn, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho ông T được ly hôn với bà H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông Vũ Quang T xác định giữa ông và bà Nguyễn Thị H không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Vũ Quang T xác định giữa ông và bà Nguyễn Thị H không có tài sản chung và nợ chung, ông T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Ông Vũ Quang T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Quang T.
- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Quang T được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.
- Về con chung: Ông Vũ Quang T và bà Nguyễn Thị H không có con chung.
- Về tài sản chung: Ông Vũ Quang T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Ông Vũ Quang T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007244 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D. Như vậy, ông T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã Suối C, huyện Cam L
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Ân